TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **28**/2025/QĐST-HNGĐ	*Cà Mau, ngày 01 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2025/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp I, xã L, tỉnh Vĩnh Long (Địa chỉ cũ: Ấp I, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre)

* Bị đơn: Anh **Ngô Tấn T**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khóm V, phường V, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ cũ: Ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu).

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết N và anh Ngô Tấn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Ngô Tấn T thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung:

Có hai con chung tên Ngô Thúy P, sinh ngày 15/01/2001 và Ngô Hàn Q, sinh ngày 08/10/2008. Hiện nay các con chung đang sống với chị N. Giao cháu Ngô Hàn Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Anh T

không phải cấp dưỡng cho cháu Q do chị N không yêu cầu. Đối với cháu Ngô Thúy P do đã trưởng thành, chị N và anh T không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không đặt ra xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2.4 Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, chị N tự nguyện chịu toàn bộ. Chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0011172 ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh C được chuyển thu án phí 150.000 đồng. Chị N được hoàn lại 150.000 đồng theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Trần Bích Ngọc